TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2024/QĐST-HNGĐ	*Yên Dũng, ngày 23 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên, bà Nguyễn Thị Tin.

Căn cứ các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 27; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Thân Thị B, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

* *Bị đơn:* Ông Dương Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Dương Thế H, sinh năm 1994
- Anh Dương Minh H1, sinh năm 1999
- Bà Phan Thị O, sinh năm 1969
- Bà Giáp Thị H2, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Trần Đăng K, sinh năm 1977
- Bà Lò Thị T1, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Do ông Hoàng Văn T2 là Chủ tịch đại diện theo pháp luật)

Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Chu Văn H3 – Luật sư Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Số G đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***2.1. Về tài sản chung*:**

* Chị Thân Thị B được quyền sử dụng diện tích 173,4m^2 đất ở tại thửa đất số 03, tờ bản đồ địa chính số 06, thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang *(do UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 166238 ngày 24/12/2005 cho ông Dương Văn T và bà Thân Thị B)*. Thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp Quốc lộ C, rộng 8m;
- Phía Nam giáp đường liên thôn, rộng 7,6m;
- Phía Đông giáp lô đất trống, dài 23,8m;
- Phía Tây giáp đất anh T, dài 21,3m;

(có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Trị giá về quyền sử dụng đất là: 20.000.000 đồng/m^2 x 173,4 = 3.468.000.000 đồng *(Ba tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu đồng).*

Chị Thân Thị B được quyền quản lý, sử dụng những tài sản trên đất gồm:

- 01 nhà ở 02 tầng cấp 3 loại 2 có kết cấu khung tường chịu lực, tổng diện tích 02 sàn 132,48m^2. Trị giá 233.695.000 đồng.
- Mái lợp tôn chống nóng diện tích 66,24m^2, trị giá: 1.987.200 đồng.
- Mái hiên lợp tôn, diện tích 42,75m^2, trị giá: 12.825.000 đồng.
- Nhà vệ sinh diện tích 5,5m^2, trị giá 550.000 đồng.
- Nhà bếp diện tích 54,6m^2 trị giá 32.630.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị Thân Thị B được chia là: 3.749.687.200 đồng *(Ba tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm đồng).*

* Anh Dương Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 208,8m^2 đất ở tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 06, thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang *(do UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 166238 ngày 24/12/2005 cho ông Dương Văn T và bà Thân Thị B)*. Thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp Quốc lộ C, rộng 11m;
- Phía Nam giáp đường liên thôn, rộng 10,5m;
- Phía Đông giáp đất chị B, dài 21,3m;
- Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn T3, dài 18,4m;

(có sơ đồ kèm theo).

Trị giá về quyền sử dụng đất là 20.000.000 đồng/m^2 x 208,8 = 4.176.000.000 đồng *(Bốn tỷ, một trăm bẩy mươi sáu triệu đồng).*

Anh Dương Văn T được quản lý, sử dụng: 01 nhà ở cấp 3 loại 2, kết cấu tường chịu lực, tổng diện tích xây dựng 243,72m^2. Trị giá 1.098.689.760 đồng *(Một tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, bẩy trăm sáu mươi đồng).*

Tổng trị giá tài sản anh Dương Văn T được chia là: 5.274.689.760 đồng *(Năm tỷ, hai trăm bẩy mươi tư triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, bẩy trăm sáu mươi đồng).*

2.2. Về án phí:

- Chị Thân Thị B phải chịu 106.993.744 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 14.000.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai số 0005196 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Chị Thân Thị B còn phải nộp thêm 92.993.744 đồng *(chín mươi hai triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, bẩy trăm bốn mươi bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Dương Văn T phải chịu 113.274.690 đồng *(một trăm mười ba triệu, hai trăm bẩy mươi tư nghìn, sáu trăm chín mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Chị Thân Thị B phải chịu 4.850.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản. Được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng chị B đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng ngày 10/4/2024. Xác nhận chị Thân Thị B đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về quyền đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Quyết định này ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự dựa trên diện tích sử dụng đất theo hiện trạng là 382,2m^2. Diện tích này tăng thêm 32,4m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 166238 do UBND huyện Y cấp ngày 24/12/2005 cho ông Dương Văn T và bà Thân Thị B. Vì vậy ông Dương Văn T và bà Thân Thị B có quyền liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về đất đai đối với phần diện tích tăng thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn